



Đôi Mắt Mùa Xuân

Phạm Tín An Ninh

Nếu không nhờ đôi mắt ấy có lẽ tôi không bao giờ nhận ra vợ chồng người bạn trẻ, từng là ân nhân đã giúp tôi giữ được mạng sống của nhiều đồng đội và của cả chính mình, thời tôi còn lăn lộn trên chiến trường, khi lẫn ranh sống chết nhiều khi còn mỏng hơn sợi tóc.

Cuối năm 1966, vừa rút quân ra khỏi Mật Khu Lê Hồng Phong, Phan Thiết, tôi dắt đại đội theo toàn bộ tiểu đoàn di chuyển lên Quảng Đức, tham dự một cuộc hành quân dài hạn nhằm truy lùng một đơn vị địch mới xâm nhập từ biên giới Miên-Việt. Cuộc hành quân kết thúc vài ngày trước Tết Nguyên Đán, nhưng tiểu đoàn có lệnh phải tiếp tục ở lại, biệt phái dài hạn cho Tiểu Khu Quảng Đức. Tiểu đoàn (-) về nghỉ quân tại Đạo Nghĩa, một khu dinh điền do Tổng Thống Ngô Đình Diệm sáng lập nhằm định cư di dân từ miền Bắc sau Hiệp Định Genève, và cũng để tạo thành một vòng đai chiến lược. Riêng đại đội tôi được “solo” xuống tăng cường cho Chi Khu Kiến Đức, một quận hầu hết dân cư là người Thượng và tương đối mất an ninh. Quận trưởng lúc ấy là một sĩ quan lớn tuổi gốc Lực Lượng Đặc Biệt, người Kinh, tuy chỉ mang cấp bậc trung úy nhưng khá dày dặn, nhiều kinh nghiệm chiến trường. Các sĩ quan còn lại trong Chi khu phần đông là người Thượng, gốc Bảo An đồng hóa.

Sau một cuộc hành quân tảo thanh chung quanh khu vực, đại đội tôi về đóng quân bên cạnh Chi khu để binh sĩ ăn Tết. Nói vậy thôi, chứ lính đánh giặc thì có cái gì để mà ăn Tết, ngoại trừ được ăn cơm nóng thay vì gạo sấy lương khô. Riêng tôi, được ông quận trưởng biếu cho mấy lon bia và một gói đậu xanh với đường đen để nấu chè đón giao thừa. Tôi cho ban chỉ huy đại đội và trung đội vũ khí nặng đóng quân trên ngọn đồi thấp giữa một vườn cà phê khá lớn, nằm không xa quận lỵ. Ngọn đồi chỉ là một cái chấm rất nhỏ giữa trùng điệp những vòng cao độ trên tấm bản đồ quân sự đang có trên tay tôi, nhưng đây là một vị trí có xạ trường tốt và tầm quan sát bao quát chung quanh. Mặc dù chỉ còn hai ngày nữa là Tết, tôi vẫn lệnh cho đại đội luôn trong tư thế tác chiến. Ban ngày các trung đội tảo thanh chung quanh, tối tổ chức các toán tiền đồn và phục kích theo tin tình báo của Chi Khu. Phía dưới chân đồi là con đường đất và bên kia đường là ngôi trường tiểu học. Trường chỉ gồm một dãy nhà cũ kỹ, mái tôn gỉ sét phủ đầy bụi đỏ. Đang mùa mưa, cả sân trường và các con đường chung quanh đều đầy bùn đỏ, nhão nhoẹt, nên bọn tôi cũng không muốn bước vào.

Buổi chiều ba mươi Tết, khi đang nằm trên võng mơ màng, hồi tưởng đến những cái Tết ngày xưa, thời còn thơ ấu ở quê nhà, bỗng tôi nghe văng vẳng tiếng đàn và tiếng hát khá hay, đặc biệt giọng hát không có chút âm hưởng gì của một người sắc tộc, tôi tò mò rủ thêm hai chú lính rảo bước xuống chân đồi, đi vào trường, tìm đến nơi phát ra tiếng hát. Khi thấy bọn tôi lấp ló ngoài cửa, một thanh niên cầm đàn bước ra cười chào mừng rỡ, mời vào phòng. Trông anh còn rất trẻ như một thư sinh, nên tôi khá ngạc nhiên khi nghe anh tự giới thiệu mình là hiệu trưởng, và căn phòng lớn nguyên là một lớp học được sửa sang lại làm chỗ ở cho anh. Trong phòng đang có một đám học trò, toàn là người Thượng, cả nam lẫn nữ. Bọn tôi đưa tay chào và mời thầy trò cứ tiếp tục cuộc vui. Anh hiệu trưởng yêu cầu tôi hát tặng thầy trò anh một bài, nêu lý do đám học trò hồi giờ chỉ nghe có mỗi giọng hát của anh nên cũng chán. Tôi khó từ chối, nên gặt đầu nhờ anh dạo đàn rồi đứng lên hát bài “Con Đường Mang Tên Em”, bài ruột của tôi khi ấy, vì cứ mỗi lần nghỉ quân, lính tráng thường năn nỉ “*ông thầy hát bài rất tình này cho tụi em nghe để thấy đời còn lên hương một chút.*” Trong những ánh mắt của các cô cậu học trò chăm chú nhìn lên, tôi bỗng lưu ý tới một đôi mắt đẹp, mờ to, xanh biếc. Cô bé khoảng 14 – 15, có khuôn mặt khá xinh, mái tóc rối, màu nâu đỏ, mang nét hoang dại của núi rừng. Tiếc rằng ngày ấy không có máy ảnh, và tôi lại dốt về vẽ, nên chẳng giữ lại được hình ảnh đặc biệt của đôi mắt này, nhưng rồi nó vẫn ở mãi cùng tôi trong ký ức.

Ông thầy giáo trẻ luôn tỏ ra mừng rỡ, vồn vã. Có lẽ từ khá lâu rồi anh mới gặp lại những người Kinh. Anh ngưng hát, bảo đám học trò phụ anh làm thịt một con gà, nấu cháo đãi bọn tôi. Tôi xin cho bọn tôi được góp phần. Tôi nhờ chú lính chạy về lấy mấy ký gạo, một xâu bia, và gói đậu xanh cùng những thỏi đường đen của ông quận mới cho. Một buổi tiệc dã chiến xem như mừng giao thừa sớm, cũng vui và cảm động. Kể từ hôm ấy, tôi trở thành bạn của anh thầy giáo hiệu trưởng, có tâm hồn nghệ sĩ và rất dễ thương này. Quê anh ở Bảo Lộc, Lâm Đồng. Sau khi đậu Trung Học Đệ Nhất Cấp anh thi vào một Khóa Sư Phạm Cấp Tốc và chỉ học một năm thì tốt nghiệp. Chờ khá lâu mà chưa tìm được chỗ dạy, hơn nữa nhà nghèo, cần phải phụ giúp mẹ già lo cho hai đứa em nhỏ đang tuổi học hành, anh tình nguyện lên “vùng cao” nhận ngôi trường này, một nơi mà ai cũng chê. Vài người được chỉ định nhưng tìm cách chạy chọt để được ở lại hay chuyển về nơi khác. Nhưng

bù lại, trong cùng khóa sư phạm mới ra trường, anh là người đầu tiên được nhận chức danh hiệu trưởng, ngoài ra còn được phụ cấp thêm một số tiền “đất đỏ, vùng cao”. Anh ở đây đã tròn một năm. Tháng ngày gần như chỉ ở trong trường, làm bạn với đám học trò, hầu hết nói tiếng Việt chưa thông và hoàn toàn khác phong tục, tập quán. Nhưng cũng nhờ cuộc sống hiu quạnh giữa núi rừng này, lương tháng nào anh cũng còn nguyên để gửi về phụ mẹ, giúp các em ăn học. Học sinh không nhiều, có khi hai lớp khác trình độ phải dồn lại học chung. Ngoài công việc hiệu trưởng, anh còn phải dạy thêm lớp Nhì và lớp Nhất, nhưng cũng chỉ gần hai mươi học sinh được gộp lại thành một lớp. Có đứa đi học trễ, nên dù cùng lớp nhưng tuổi tác khá chênh lệch nhau.

Từ khi quen biết anh, lúc nào không bận hành quân, đặc biệt những dịp cuối tuần tôi đều ghé lại trường ca hát, ăn uống với anh. Dù vậy, tôi cũng cẩn trọng, không dám cho anh vào gặp tôi trong khu vực đóng quân. Điều vui là lần nào ghé lại, tôi cũng gặp vài cô học trò xúm xít bên anh, giúp anh dọn phòng, nấu nướng. Trong số này có cô bé mang nét đẹp hoang dại với đôi mắt to, xanh biếc, từng làm tôi bất ngờ xao xuyến. Nhờ có thầy trò anh mà những ngày sống giữa núi rừng đất đỏ buồn hiu này trở nên thú vị. Tôi còn học được một số tiếng Ê-đê và vài tập quán khá lạ lẫm của họ. Đặc biệt khi sống gần họ, những con người hiền lành chân chất ấy, tôi cảm thấy tâm hồn mình trở nên nhẹ nhàng yên ả, tạm quên phía trước đang có nhiều trận chiến đẫm máu đang chờ.

Một hôm, khi trời sắp tối, anh thầy giáo nhờ một người lính nhắn tôi ra gặp anh gấp. Thấy anh có vẻ bồn chồn, lo lắng, trên môi không còn nụ cười vui vẻ như trước đây, tôi ưu tư, không biết có chuyện gì. Anh kéo tôi vào trong phòng, đóng kín cửa lại, bảo nhỏ cho tôi biết là một đám Thượng cộng sẽ tổ chức pháo kích và tấn công vào khu vực đóng quân của tôi, có thể ngay trong tối hôm nay. Anh bảo chính cô bé học trò có đôi mắt đẹp ấy, vừa chạy vào cho anh biết để báo tin gấp cho tôi. Cô bé cũng tỏ ra lo lắng lắm. Một người bạn của cô có cha mẹ quen biết, dính dáng đến đám Thượng cộng này. Tôi bắt tay cảm ơn rồi vội vàng trở về đại đội, lệnh cho im lặng vô tuyến và âm thầm rời khỏi vị trí, di chuyển đến đóng quân tạm tại một địa điểm khác cách đó không xa, báo cho ông Chi khu trưởng biết, để có kế hoạch đề phòng, và cho Pháo Binh một số tọa độ tiên liệu để yểm trợ khi cần thiết.

Và đúng như vậy, vào khoảng một giờ khuya hôm ấy Cộng quân đã pháo kích vào ngay vị trí Ban Chỉ Huy Đại Đội của tôi trên đỉnh đồi trong vườn cà phê, nơi tôi vừa rời khỏi, bằng hai khẩu súng cối 82 ly, bắn đi từ hai hướng. Tôi đã may mắn, kịp thay đổi phòng tuyến để đánh lừa, và có kế hoạch bao vây chúng, nhưng không hiểu vì sao chúng không tổ chức tấn công, nên đại đội tôi đã mất một dịp lập chiến công. Pháo Binh của Chi Khu phản pháo kịp thời, nhưng không hiệu quả, có lẽ không biết chính xác vị trí hai khẩu pháo của địch. Sáng hôm sau, trở lại vị trí, tôi giật mình khi thấy đạn pháo đã cày nát vị trí đóng quân của mình. Ngay chỗ tôi nằm, bây giờ trở thành mấy cái hố sâu, cỏ cây tung tóe.

Tôi kể cho ông quận trưởng biết sự tình. Ông cho mời anh thầy giáo vào quận khen thưởng và đãi anh cùng bọn tôi một chiều. Nhưng anh bảo, công này không phải của anh, mà là của cô học trò người Thượng. Hôm sau, chính tôi đã mang quà của ông Quận đến kín đáo trao cho cô bé, nói nhỏ lời cảm ơn, và cùng ăn uống hát hò với thầy trò suốt ngày hôm ấy.

Khoảng năm tháng sau, đại đội tôi có lệnh rời khỏi Kiến Đức. đến phi trường Nhơn Cơ, sáp nhập với tiểu đoàn, để được không vận về Di Linh tiếp viện cho một đơn vị Biệt Động Quân bị địch quân phục kích và đang tăng cường vây hãm. Tôi chỉ kịp ghé lại trường vài phút để vội vã chia tay anh. Tôi mang tặng anh tấm poncho-light (loại chăn đắp rất mỏng và nhẹ) của một anh Cố vấn Mỹ đã tặng tôi trước khi về nước. Anh bảo sẽ rủ đám học trò ra ngã ba, nơi đoàn xe đang chờ, để tiễn tôi đi, nhưng tôi ngăn lại, không cho, bảo là không còn nhiều thời gian và tôi cũng rất bận với đồng đội của mình.

Tiểu Khu cho biết đã có một đại đội Bảo An mở đường, an ninh lộ trình, nhưng khi đoàn xe đến một ngã ba thì bị Cộng quân phục kích. Chiếc xe phía trước tôi bị giật mình ngay chỗ đoạn đường đang sửa chữa. Tôi nhảy xuống khỏi xe vừa điều động phản công vừa gọi Pháo Binh yểm trợ và xin L-19 bao vùng. Mặc dù bất ngờ, và khoảng phân nửa một trung đội trên chiếc xe đầu bị giật mình, bất khiển dụng, nhưng nhờ những người lính thiện chiến, can đảm, giàu kinh nghiệm, nên đại đội tôi kịp làm chủ tình hình. Khi đang đứng liên lạc tìm chiếc L-19 để hướng dẫn đến vị trí, một quả đạn súng cối rơi xuống cách tôi khoảng mấy mét, mảnh đạn đâm vào chân trái làm tôi có cảm giác tê buốt. Sau khi được anh y tá chích thuốc cầm máu, sát trùng và băng bó, tôi giao đại đội lại cho anh đại đội phó, và thay vì đi đến phi trường Nhơn Cơ, tôi được tản thương cùng các

thương binh khác về bệnh viện tỉnh Quảng Đức ở Gia Nghĩa. Trưa hôm sau, Ông Chi Khu Trưởng Kiến Đức đến thăm, chở theo anh thầy giáo và cô học trò người Thượng đã từng giúp tôi một lần thoát chết trước đây. Cả hai người đã ôm chầm lấy tôi mà khóc, làm tôi cũng chạnh lòng.

Sau vài ngày, tôi được chuyển tiếp xuống QYV Nguyễn Huệ, Nha Trang, ngay quê tôi, bằng loại máy bay Caribou của Úc Đại Lợi. An ủi phần nào vì được gặp lại cha tôi mỗi ngày và một số bạn bè thường xuyên đến thăm. Cái chân trái của tôi bị thương khá nặng, nhưng may mắn là không bị cưa. Tôi phải điều trị ở đây hơn ba tháng. Những ngày nằm treo cái chân bằng bột cứng đơ lên thành giường, nghe những đồng đội thương binh bên cạnh rên xiết, tôi càng nhận ra mình chỉ là một thằng lính mạt hạng, năm tháng chỉ còn biết có đồng đội, súng đạn, chiến trường, và ranh giới giữa sống – chết nhiều khi còn mỏng hơn sợi tóc, thì đâu dám mơ gì đến chuyện tương lai hay công hầu khanh tướng! Đôi lúc, nhớ tới tiếng đàn giọng hát của anh thầy giáo trẻ và nhất là đôi mắt của cô bé học trò người Thượng, tôi cũng có chút xao xuyến, chạnh lòng. Đôi mắt hồn nhiên yên ả như mặt nước hồ thu giữa núi rừng tĩnh mịch mà sao cứ làm tôi gợn sóng mãi trong lòng. Tôi viết thư thăm và báo tin về cái chân ngày một phục hồi, nhưng mãi đến khi sắp xuất viện tôi mới nhận được tấm carte-postale, chỉ viết mấy dòng, với nét chữ của hai người. Tôi bỗng nhớ tới lần cuối cùng, khi hai thầy trò đến thăm tôi tại Bệnh viện Gia Nghĩa, và đã nhỏ những giọt nước mắt ân tình xuống giường bệnh của tôi.

Sau khi xuất viện, được nghỉ hai tuần phép, tôi về quê sống bên cạnh cha tôi. Từ ngày đi lính, ngoại trừ lần về phép ra trường, đây là dịp lâu nhất tôi được ở bên cạnh cha tôi, trong gió nội hương đồng nơi tôi đã ra đời và những năm tháng lớn lên không có mẹ. Về trình diện hậu cứ ở Ban Mê Thuột, tôi lại nhận sự vụ lệnh theo học khóa tham mưu đặc biệt một tháng tại Bộ Tổng Tham Mưu. Trở về đơn vị, vì cái chân còn yếu tôi không được về lại đại đội mà sang nắm Ban 3 Tiểu Đoàn (đặc trách hành quân & huấn luyện, một phần vụ có liên quan ít nhiều tới khóa học vừa qua.)

Tháng 6 năm 1970, lúc này tôi đã được điều động về Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn giữ một chức vụ khác, cả trung đoàn di chuyển lên Quảng Đức, để được tăng cường một tiểu đoàn Biệt Động Quân, và một Chi đoàn Thiết Quân Vận, thành lập Chiến Đoàn, mở cuộc hành quân khá qui mô sang địa phận Cam-Bốt. Bộ Chỉ Huy Chiến Đoàn đặt bên cạnh Phi trường Nhơn Cơ. Cuộc hành quân mang tên “Bình-Tây III” này kết thúc sau hơn một tháng với nhiều thắng lợi. Các đơn vị thống thuộc được về nghỉ quân chung quanh khu vực, chờ phương tiện triệt thoái. Một tiểu đoàn đóng quân tại Kiến Đức, anh tiểu đoàn trưởng lại là ông anh rất thân, trước kia là đại đội trưởng đầu tiên của tôi khi tôi mới ra trường. Lính bắn được con nai, anh gọi máy bảo tôi lên nhậu với anh, nhân anh cố vấn tiểu đoàn mới nhận tiếp tế, biếu lại mấy chai whisky. Tôi mừng thầm, tuy thèm lắm. nhưng nghĩ đến rượu với thịt nai thì ít mà nhớ đến đôi mắt cô bé người Thượng lúc trước thì nhiều, tôi xin phép ông Trung Đoàn Trưởng rồi hú theo mấy chú lính hộ tống chạy lên Kiến Đức. Nhai mấy miếng thịt nai và uống vội mấy hớp rượu, tôi chạy sang ngôi trường tiểu học. Rất vui khi bất ngờ được gặp lại anh thầy giáo và có cả cô học trò thuở trước. Nhưng điều làm tôi bất ngờ hơn là hai người bây giờ đã là vợ chồng. Một tấm ảnh cưới thật đẹp được phóng lớn treo trên vách, Căn phòng ngày xưa giờ đã được sửa sang và trang hoàng khá ấm cúng. Tôi ngạc nhiên reo lên mừng rỡ và ôm lấy hai người. Anh còn cho biết, bây giờ cô cũng đang là cô giáo phụ trách lớp mẫu giáo của trường.

Tôi đùa, bảo “cô học trò cưới ông thầy làm chồng mà không cho tôi biết để có quà mừng”, rồi đưa cái nón sắt tôi đang cầm trên tay bảo cô ôm trước bụng, như một ví von khi chúc cho cô sớm có bầu, “bắt được cái con” để tôi gởi bù quà. Anh chồng đưa tay chỉ cái poncho-light trên giường, bảo “*bạn em vẫn đắp chung cái mền quý mà anh cho đấy chứ!*” Khi chia tay, tôi ôm vai hai người và nói với anh: “*Chắc bây giờ anh đã chịu nhận nơi này làm quê hương rồi phải không?*” Hai vợ chồng cười. Khi nói lời chia tay, cô vợ khệ nệ cầm cái nón sắt trả lại, ngược nhìn tôi với nét xúc động, đôi mắt đẹp của ngày xưa lại khuấy động trái tim tôi. Tôi cười mà thấy lòng man mác!

Trong nhiều năm bị tù tội từ Nam ra Bắc, dù cuộc sống tăm tối khốn cùng, nhưng hình ảnh của anh thầy giáo và đặc biệt đôi mắt của cô bé người Thượng thỉnh thoảng vẫn thấp thoáng từ ký ức. Tôi nghĩ chắc chắn sẽ không bao giờ còn gặp lại họ. Hơn nữa lúc ấy, dường như tôi cũng chẳng còn tha thiết tới điều gì. Ra tù một thời gian ngắn, tôi cùng ông anh và một số bạn bè cùng tù tổ chức vượt biển. Tất cả quá khứ đành bỏ lại phía sau lưng, có còn chẳng chỉ thấp thoáng đâu đó ở trong lòng.

Mới đây tôi bất ngờ đọc được bản tin trên Facebook của một người nào đó ở trong nước, có kèm theo một clip ngắn. Bản tin với cái tựa “**Người đàn bà khí khái của Đăk-Nông đã vĩnh viễn ra đi**”. Đó là người đàn bà

từng viết đơn gởi đi các nơi để phản đối việc chính quyền CS cho Trung Cộng khai thác bauxite và thiết lập nhà máy Aluminum ở Đắk-Nông (Tỉnh Quảng Đức cũ). Bà cũng là người kịch liệt phản kháng khi chính quyền cưỡng chế, cướp đất đai canh tác của người Thượng, truy bức xô đuổi họ ra khỏi nương rẫy, bản làng, nơi mà họ đã từng bao đời khai phá và sống chết ở đây. Bà cùng người chồng đã từng bị đàn áp, bắt bớ, tù đày rất nhiều lần. Đặc biệt cái clip đã ghi lại hình ảnh bà cùng chồng tổ chức biểu tình vào tháng 7 năm 2016, khi đường ống từ nhà máy Aluminum Nhơn Cơ của nhà thầu Chalieco Trung Quốc bị vỡ khiến 9,63 mét khối chất kiềm chảy ra ngoài, làm nhiễm độc trầm trọng nguồn nước và hủy hoại môi trường sống của dân chúng trong vùng. Đứng trước một rừng công an với đủ loại vũ khí trên tay, ông bà không hề nao núng, dang tay bảo vệ những người dân khốn khổ. Khi một đám công an lên đạn chĩa súng thị uy, bà bước tới, mở to đôi mắt sáng quắc đầy uất hận, thách thức.

Tôi bỗng giật mình. Đôi mắt đập mạnh vào tâm não làm tim tôi đau buốt. Tôi vừa nhận ra đó chính là đôi mắt đẹp hiền lành của cô bé học trò người Thượng ngày xưa, sau này là vợ anh thầy giáo mà tôi hằng quý mến. Họ đã từng cứu tôi cùng đồng đội của tôi một lần thoát chết. Và cũng chính từ đôi mắt đẹp này đã nhỏ những giọt nước mắt ân tình xuống giường bệnh tôi nằm, sau một lần tôi bị thương ở Quảng Đức, đúng 55 năm về trước. Zoom lớn cái clip trên màn ảnh computer, tôi xem thật kỹ lại một vài lần nữa để nhận rõ khuôn mặt và nhất là đôi mắt của cô nàng, mặc dù bây giờ ánh mắt ấy đã không còn hồn nhiên như mặt nước hồ thu thuở trước. Sau đó tôi cũng nhận ra người chồng, anh hiệu trưởng trẻ tuổi, dễ thương, đàn và hát rất hay ngày trước. Bây giờ cả hai đều già đi nhiều, tóc đã hoa râm và gầy gò hơn trước. Người viết bản tin cũng cho biết anh chồng đã chết trước đó gần hai năm, sau nhiều ngày bị đày ải, tra tấn trong tù. Giờ thì hai người đã gặp lại nhau ở chốn bình an vĩnh cửu.

Từ nay, tôi sẽ mãi mãi không bao giờ còn nhìn thấy hai người trên thế gian này, nhưng bóng dáng của họ và nhất là đôi mắt của cô bé người Thượng năm nào sẽ không bao giờ rời khỏi ký ức và trái tim tôi. Đôi mắt đã để lại trong tôi biết bao tiếc thương, cùng cả niềm tin yêu và hy vọng. Đôi mắt của mùa Xuân.

Phạm Tín An Ninh